UBND TỈNH ĐẮK LẮK **VĂN PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 94 /BC-VPUBND	*Đắk Lắk, ngày 04 tháng 7 năm 2024*

BÁO CÁO
Kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử tỉnh Đắk Lắk Quý II năm 2024

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công trực tuyến theo thời gian thực trên môi trường điện tử; Công văn số 1541/UBND-KSTTHC ngày 27/02/2024 của UBND tỉnh về việc triển khai các nhiệm vụ cải cách TTHC trọng tâm năm 2024;

Đồng thời, trên cơ sở kết quả số liệu công bố trên Cổng Dịch vụ công quốc gia *(địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn, mục "Kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp của bộ, ngành, địa phương")*, Văn phòng UBND tỉnh báo cáo kết quả xếp loại, đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử đối với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh trong Quý II năm 2024, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Về cách tính điểm đạt được của từng cơ quan, đơn vị, địa phương và cách xếp loại cụ thể như sau

- Theo Quyết định số 766/QĐ-TTg thì tổng điểm đánh giá, xếp loại là 100 điểm, bao gồm 05 tiêu chí là:

+ Công khai, minh bạch: 18/100 điểm.

+ Tiến độ, kết quả giải quyết: 20/100 điểm.

+ Số hóa hồ sơ: 22/100 điểm.

+ Cung cấp dịch vụ trực tuyến: 22/100 điểm.

+ Mức độ hài lòng: 18/100 điểm.

- Cách tính điểm cụ thể đối với từng chỉ tiêu trong nhóm chỉ số như sau:

+ Đối với các sở, ban, ngành:

Điểm chỉ tiêu thứ i = (Tỷ lệ đạt được của chỉ tiêu thứ i * Mức điểm tối đa của chỉ tiêu thứ i)/100 (Ví dụ: Tại thời điểm đánh giá, xếp loại, Sở A đạt 75% của tiêu chí "Số hóa hồ sơ" thì điểm số tuyệt đối tiêu chí "Số hóa hồ sơ" của Sở A = 75*22/100 = 16,5 điểm).

+ Đối với UBND cấp huyện và UBND cấp xã: Lấy tổng số điểm mà UBND cấp huyện, UBND cấp xã đạt được trên tổng số 100 điểm tại thời điểm xếp loại để đánh giá, xếp loại (Điểm số tổng hợp 05 tiêu chí của UBND cấp huyện, UBND cấp xã đã được tính sẵn và công khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia).

- Kết quả phân loại như sau:

+ Từ 90 đến dưới 100 điểm xếp loại: Xuất sắc.

+ Từ 80 đến dưới 90 điểm xếp loại: Tốt.

+ Từ 70 đến dưới 80 điểm xếp loại: Khá.

+ Từ 50 đến dưới 70 điểm xếp loại: Trung bình.

+ Dưới 50 điểm xếp loại: Yếu.

2. Về nguồn dữ liệu và thời điểm đánh giá, xếp loại

- Địa chỉ nguồn số liệu là Cổng Dịch vụ công Quốc gia *(https://dichvucong.gov.vn)*, tại Mục "Kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp của bộ, ngành, địa phương".

- Số liệu dùng để đánh giá, xếp loại là số liệu được công bố, công khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia tại thời điểm đánh giá.

- Thời điểm đánh giá, xếp loại vào ngày 02/7/2024.

3. Kết quả đánh giá, xếp loại trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Cấp tỉnh:

- Không có cơ quan xếp loại: Xuất sắc.

- Có 04/17 cơ quan xếp loại: Tốt.

- Có 07/17 cơ quan xếp loại: Khá.

- Có 05/17 cơ quan xếp loại: Trung bình.

- Không có cơ quan xếp loại: Yếu.

- Không có dữ liệu để đánh giá, xếp loại: 01 cơ quan.

b) Cấp huyện:

- Không có UBND cấp huyện xếp loại: Xuất sắc.

- Có 01/15 UBND cấp huyện xếp loại: Tốt.

- Có 12/15 UBND cấp huyện xếp loại: Khá.

- Có 02/15 UBND cấp huyện xếp loại: Trung bình.

- Không có UBND cấp huyện xếp loại: Yếu.

c) Cấp xã:

- Có 01/184 UBND cấp xã xếp loại: Xuất sắc.

- Có 26/184 UBND cấp xã xếp loại: Tốt.

- Có 99/184 UBND cấp xã xếp loại: Khá.

- Có 58/184 UBND cấp xã xếp loại: Trung bình.

- Không có UBND cấp xã xếp loại: Yếu.

Kèm theo các Phụ lục đánh giá, xếp loại và mức điểm cụ thể đối với các sở, ban, ngành (Phụ lục I), đối với UBND cấp huyện (Phụ lục II) và đối với UBND cấp xã (Phụ lục III).

4. Kiến nghị, đề xuất

- Đề nghị các sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố công khai kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương để tổ chức, cá nhân theo dõi, giám sát.

- Rà soát, kiểm tra, xử lý dứt điểm các hồ sơ trực tuyến nộp từ Cổng Dịch vụ công quốc gia quá hạn đang xử lý; đồng thời, chấn chỉnh, xử lý nghiêm các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức để xảy ra tình trạng chậm, muộn theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại điểm đ Mục 1 Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tiếp tục tích hợp, đồng bộ dữ liệu đầy đủ, chính xác, thường xuyên, liên tục giữa Hệ thống iGate với Cổng Dịch vụ công Quốc gia; kết nối, tích hợp, chia sẻ các thông tin, dữ liệu với Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Văn phòng UBND tỉnh báo cáo kết quả xếp loại, đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử Quý II năm 2024 đối với cơ quan hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Đ/c Nguyễn Tuấn Hà - PCT UBND tỉnh (B/c);
- CVP, PCVP UBND tỉnh (Đ/c Hùng);
- Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Viễn thông Đắk Lắk;
- Các Phòng, TT: TH, HCTC, PVHCC;
- TT CN & Cổng TTĐT tỉnh (Để đăng tải);
- Lưu: VT, KSTTHC (B_02b).

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Hoàng Trọng Hùng

Số: 94/BC-VPUBND
Thời gian ký: 04/07/2024 14:27:17 +07:00

Phụ lục I
BẢNG XẾP LOẠI, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIẢI QUYẾT TTHC THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TRONG QUÝ II/2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-VPUBND ngày /7/2024 của Văn phòng UBND tỉnh)

STT	Sở, ban, ngành	Công khai minh bạch *(số điểm đạt/18 điểm)*	Tiến độ giải quyết đúng hạn *(số điểm đạt/20 điểm)*	Số hóa hồ sơ *(số điểm đạt/22 điểm)*	Dịch vụ công trực tuyến *(số điểm đạt/22 điểm)*	Mức độ hài lòng *(số điểm đạt được/ 18 điểm)*	Tổng điểm/ 100 điểm	Tổng hợp
1	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	17,7	20	12,1	20	18	**87,8**	Tốt
2	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	18	18,6	12,8	20	18	**87,4**	Tốt
3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	18	19,3	13,6	13,6	18	**82,5**	Tốt
4	Sở Khoa học và Công nghệ	18	20	9	15	18	**80,0**	Tốt
5	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	18	20	9	14	18	**79,0**	Khá
6	Sở Giáo dục và Đào tạo	16,1	18,1	13,2	12	18	**77,4**	Khá
7	Sở Thông tin và Truyền thông	18	16,7	12,7	12	17,6	**77,0**	Khá
8	Sở Nội vụ	17,9	17,3	11,2	12	17,8	**76,2**	Khá
9	Sở Xây dựng	16,1	14,5	12	14	16,8	**73,4**	Khá
10	Sở Tư pháp	18	18,7	2,2	15	18	**71,9**	Khá
11	Sở Giao thông vận tải	18	19,8	5,7	10,2	18	**71,7**	Khá
12	Sở Y tế	18	16,3	5,3	12,3	17,4	**69,3**	Trung bình
13	Sở Công Thương	18	16,8	0,2	13,8	17,6	**66,4**	Trung bình
14	Sở Tài chính	2,7	19,4	8	15	18	**63,1**	Trung bình
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	8,3	19,2	5,3	11,6	18	**62,4**	Trung bình
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	0,1	18,5	8,4	6,2	18	**51,2**	Trung bình
17	Sở Ngoại vụ	18	-	-	14	18	-	-

** Ghi chú: - Không xếp loại, đánh giá đối với Ban Dân tộc, Thanh tra tỉnh.*

- Sở Ngoại vụ không xếp loại, đánh giá trong quý II/2024, vì không phát sinh hồ sơ.

Số: 94/BC-VPUBND
Thời gian ký: 04/07/2024 14:27:20 +07:00

Phụ lục II

BẢNG XẾP LOẠI, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIẢI QUYẾT TTHC THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG CỦA UBND HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ TRONG QUÝ II/2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-VPUBND ngày /7/2024 của Văn phòng UBND tỉnh)

STT	Địa phương	Số điểm đạt được/100 điểm	Tổng hợp xếp loại
1	UBND huyện Krông Pắc	88,57	Tốt
2	UBND thị xã Buôn Hồ	79,61	Khá
3	UBND huyện Ea Kar	79,16	Khá
4	UBND huyện Krông Búk	78,75	Khá
5	UBND huyện Cư Kuin	78,34	Khá
6	UBND huyện Krông Năng	75,09	Khá
7	UBND thành phố Buôn Ma Thuột	74,44	Khá
8	UBND huyện Ea H'leo	73,97	Khá
9	UBND huyện Cư Mgar	72,27	Khá
10	UBND huyện Ea Súp	72,15	Khá
11	UBND huyện M'Đrắk	70,65	Khá
12	UBND huyện Krông Bông	70,62	Khá
13	UBND huyện Buôn Đôn	70,30	Khá
14	UBND huyện Lắk	67,24	Trung bình
15	UBND huyện Krông Ana	66,14	Trung bình

Số: 94/BC-VPUBND
Thời gian ký: 04/07/2024 14:27:23 +07:00

Phụ lục III

BẢNG XẾP LOẠI, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIẢI QUYẾT TTHC THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG CỦA UBND CẤP XÃ TRONG QUÝ II/2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-VPUBND ngày /7/2024 của Văn phòng UBND tỉnh)

STT	Địa phương	Điểm đánh giá	Tổng hợp xếp loại
1	UBND thị trấn Phước An	90,22	Xuất sắc
2	UBND xã Hòa Tiến	89,54	Tốt
3	UBND xã Ea Phê	89,47	Tốt
4	UBND xã Ea Hiu	89,26	Tốt
5	UBND xã Ea Kly	88,94	Tốt
6	UBND xã Ea Yông	88,61	Tốt
7	UBND xã Ea Kmút	87,57	Tốt
8	UBND xã Ea Yiêng	87,46	Tốt
9	UBND xã Ea Uy	86,87	Tốt
10	UBND xã Tân Tiến	85,73	Tốt
11	UBND xã Ea Kênh	85,66	Tốt
12	UBND xã Krông Buk	85,29	Tốt
13	UBND xã Vụ Bổn	84,72	Tốt
14	UBND phường Tân An - tp Buôn Ma Thuột	82,55	Tốt
15	UBND xã Xuân Phú	82,41	Tốt
16	UBND thị trấn Quảng Phú	82,34	Tốt
17	UBND xã Cư Bông	81,96	Tốt
18	UBND xã Hòa An	81,94	Tốt
19	UBND phường Tân Tiến - tp Buôn Ma Thuột	81,74	Tốt
20	UBND Xã Hòa Khánh - tp Buôn Ma Thuột	81,36	Tốt
21	UBND phường Thiện An - thị xã Buôn Hồ	81,18	Tốt
22	UBND xã Hòa Hiệp	81,13	Tốt
23	UBND phường Thành Công - tp Buôn Ma Thuột	81,07	Tốt
24	UBND xã Ea Sol	80,86	Tốt
25	UBND xã Ea H’Leo	80,78	Tốt
26	UBND xã Ea Knuêc	80,76	Tốt
27	UBND xã Ea Mnang	80,64	Tốt
28	UBND xã Ea Siên - thị xã Buôn Hồ	79,93	Khá
29	UBND phường An lạc - thị xã Buôn Hồ	79,89	Khá

STT	Địa phương	Điểm đánh giá	Tổng hợp xếp loại
30	UBND xã Ea Dắh	79,86	Khá
31	UBND xã DLiêYang	79,85	Khá
32	UBND phường Đạt Hiếu - thị xã Buôn Hồ	79,78	Khá
33	UBND xã Cư Ni	79,69	Khá
34	UBND xã Ea BHốk	79,55	Khá
35	UBND thị trấn Krông Năng	79,49	Khá
36	UBND xã Cư Ê Wi	79,46	Khá
37	UBND xã Ea Drơng	79,40	Khá
38	UBND Xã Ea Bung	79,39	Khá
39	UBND xã Krông Nô	79,36	Khá
40	UBND xã Ea Ngai	79,33	Khá
41	Thị trấn Ea Kar	79,29	Khá
42	UBND xã Cư Bao - thị xã Buôn Hồ	79,21	Khá
43	Thị trấn Ea Knốp	79,02	Khá
44	UBND phường An Bình - thị xã Buôn Hồ	78,81	Khá
45	UBND xã Dliêya	78,69	Khá
46	UBND xã Phú Xuân	78,37	Khá
47	UBND phường Khánh Xuân - tp Buôn Ma Thuột	78,22	Khá
48	UBND xã Pơng Drang	78,22	Khá
49	UBND xã Quảng Tiến	78,15	Khá
50	UBND xã Đắk Nuê	77,99	Khá
51	UBND xã Chứ KBô	77,89	Khá
52	UBND phường Đoàn Kết - thị xã Buôn Hồ	77,88	Khá
53	UBND xã Quảng Hiệp	77,86	Khá
54	UBND xã Buôn Tría	77,80	Khá
55	UBND xã Ia Rvê	77,76	Khá
56	UBND xã Đắk Liêng	77,70	Khá
57	UBND xã Ia JLơi	77,41	Khá
58	UBND xã Cư Êbur - tp Buôn Ma Thuột	77,30	Khá
59	UBND xã Tam Giang	77,30	Khá
60	UBND thị trấn Liên Sơn	77,29	Khá
61	UBND xã Ea Răl	77,13	Khá
62	UBND xã Cư ELang	76,99	Khá
63	UBND xã Đắk Phơi	76,73	Khá
64	UBND xã Ea Tân	76,70	Khá

STT	Địa phương	Điểm đánh giá	Tổng hợp xếp loại
65	UBND xã Ea Tiêu	76,63	Khá
66	UBND xã Hòa Đông	76,60	Khá
67	UBND xã Ea Púk	76,49	Khá
68	UBND xã Nam Ka	76,23	Khá
69	UBND xã Krông Á	76,06	Khá
70	UBND xã Cư Pơng	75,78	Khá
71	UBND phường Thắng Lợi - tp Buôn Ma Thuột	75,62	Khá
72	UBND xã Ea Hồ	75,55	Khá
73	UBND thị trấn Krông Kmar	75,39	Khá
74	UBND xã Ea Sar	75,37	Khá
75	UBND xã Ea Tóh	75,30	Khá
76	UBND xã Ea Lê	75,17	Khá
77	UBND xã Ea Pal	75,15	Khá
78	UBND Xã Ea Bar	75,02	Khá
79	UBND xã Ea Sin	75,00	Khá
80	UBND xã Cư Suê	74,84	Khá
81	UBND Xã Tân Hòa	74,78	Khá
82	UBND xã Cư Klông	74,43	Khá
83	UBND xã Phú Lộc	74,34	Khá
84	UBND xã Bình Thuận - thị xã Buôn Hồ	74,29	Khá
85	UBND xã Hòa Sơn	74,26	Khá
86	UBND Xã Krông Na	74,11	Khá
87	UBND xã Buôn Triết	74,08	Khá
88	UBND xã Yang Réh	74,03	Khá
89	UBND xã Ea Đar	73,96	Khá
90	UBND xã Hòa Tân	73,94	Khá
91	UBND phường Thành Nhất - tp Buôn Ma Thuột	73,87	Khá
92	UBND xã Ea Rbin	73,70	Khá
93	UBND Xã Cư M'Lan	73,69	Khá
94	UBND xã Cư Dliê Mnông	73,60	Khá
95	UBND xã Ea Kuăng	73,34	Khá
96	UBND xã Ea Tul	73,31	Khá
97	UBND phường Bình Tân - thị xã Buôn Hồ	73,22	Khá
98	UBND xã Cư Pui	73,22	Khá
99	UBND Xã Ea Ning	73,06	Khá

STT	Địa phương	Điểm đánh giá	Tổng hợp xếp loại
100	UBND xã Ea Rốc	73,03	Khá
101	UBND xã Cư Prông	73,01	Khá
102	UBND xã Bình Hòa	72,95	Khá
103	UBND xã Hòa Thành	72,80	Khá
104	UBND xã Cư Né	72,78	Khá
105	UBND xã Ea Tir	72,64	Khá
106	UBND xã Bông Krang	72,63	Khá
107	UBND xã Ea Ô	72,61	Khá
108	UBND xã Ea M'doal	72,32	Khá
109	UBND xã Hòa Xuân - tp Buôn Ma Thuột	72,24	Khá
110	UBND xã Ea Hiao	72,05	Khá
111	UBND Xã Hòa Phú - tp Buôn Ma Thuột	71,70	Khá
112	UBND phường Tân Lợi - tp Buôn Ma Thuột	71,70	Khá
113	UBND xã Ea Tyh	71,61	Khá
114	UBND xã Khuê Ngọc Điền	71,46	Khá
115	UBND xã Ea Drông - thị xã Buôn Hồ	71,36	Khá
116	UBND phường EaTam - tp Buôn Ma Thuột	71,33	Khá
117	UBND phường Tân Lập - tp Buôn Ma Thuột	71,17	Khá
118	UBND phường Tự An - tp Buôn Ma Thuột	71,12	Khá
119	UBND phường Thống Nhất - tp Buôn Ma Thuột	71,07	Khá
120	UBND xã Cư Đrăm	70,88	Khá
121	UBND xã Ea Nam	70,83	Khá
122	UBND thị trấn Ea Súp	70,65	Khá
123	UBND xã Ea Wy	70,47	Khá
124	UBND Xã Hòa Thắng - tp Buôn Ma Thuột	70,31	Khá
125	UBND xã Băng Adrênh	70,23	Khá
126	UBND Xã Cư a Mung	70,07	Khá
127	UBND Xã Ea Wer	69,94	Trung bình
128	UBND phường Thống Nhất - thị xã Buôn Hồ	69,85	Trung bình
129	UBND xã Cuôr Đăng	69,55	Trung bình
130	UBND Xã Ea Trang	69,45	Trung bình
131	UBND xã Hòa Lễ	69,45	Trung bình
132	UBND xã Ea Hđing	69,43	Trung bình
133	UBND xã Ea Tar	69,39	Trung bình
134	UBND xã Ea Pil	69,35	Trung bình

STT	Địa phương	Điểm đánh giá	Tổng hợp xếp loại
135	UBND Xã Ea Huar	69,14	Trung bình
136	UBND xã Quảng Điền	68,88	Trung bình
137	UBND xã Ea Tam	68,68	Trung bình
138	UBND xã Ea Tu - tp Buôn Ma Thuột	68,63	Trung bình
139	UBND xã Cư Mgar	68,48	Trung bình
140	UBND xã Ea Kiết	68,47	Trung bình
141	UBND xã Ia Lốp	68,29	Trung bình
142	UBND xã Cư Jang	68,26	Trung bình
143	UBND xã Ea Kao - tp Buôn Ma Thuột	67,94	Trung bình
144	UBND xã Ea Kuêh	67,91	Trung bình
145	UBND xã Ea Mdroh	67,88	Trung bình
146	UBND xã Tân Lập	67,74	Trung bình
147	UBND Thị trấn Ea Drăng	67,71	Trung bình
148	UBND xã Dray Sáp	67,66	Trung bình
149	UBND xã Ea Sô	67,60	Trung bình
150	UBND xã Dang Kang	67,52	Trung bình
151	UBND xã Ea Khăl	67,24	Trung bình
152	UBND thị trấn M’Đrắk	67,22	Trung bình
153	UBND Xã Cuôr Knia	67,08	Trung bình
154	UBND xã Ea Blang - thị xã Buôn Hồ	66,75	Trung bình
155	UBND xã Cư Huê	66,68	Trung bình
156	UBND xã Ea Hu	66,64	Trung bình
157	UBND xã Dray Bhăng	66,59	Trung bình
158	UBND xã Ea Ktur	66,56	Trung bình
159	UBND xã Ya Tờ Mốt	66,46	Trung bình
160	UBND Thị trấn Buôn Trấp	66,13	Trung bình
161	UBND xã Ea Na	65,98	Trung bình
162	UBND xã Cư KBang	65,97	Trung bình
163	UBND phường Tân Thành - tp Buôn Ma Thuột	65,64	Trung bình
164	UBND xã Dur Kmăn	65,26	Trung bình
165	UBND xã Cư M'Ta	65,23	Trung bình
166	UBND xã Ea M'Lây	65,20	Trung bình
167	UBND xã Hòa Phong	65,01	Trung bình
168	UBND xã Cư san	64,97	Trung bình
169	UBND thị trấn Ea Pôk	64,88	Trung bình

STT	Địa phương	Điểm đánh giá	Tổng hợp xếp loại
170	UBND Xã Cư Mốt	64,13	Trung bình
171	UBND phường Tân Hòa - tp Buôn Ma Thuột	64,09	Trung bình
172	UBND xã Cư Króa	63,12	Trung bình
173	UBND xã Ea Trul	62,97	Trung bình
174	UBND Xã Hòa Thuận - tp Buôn Ma Thuột	62,58	Trung bình
175	UBND xã Yang Mao	61,69	Trung bình
176	UBND xã Cư Kty	61,26	Trung bình
177	UBND xã Ea Bông	61,21	Trung bình
178	UBND xã Ea Kpam	60,67	Trung bình
179	UBND xã Krông Jing	60,59	Trung bình
180	UBND Xã Cư Prao	59,51	Trung bình
181	UBND Xã Ea Nuôl	58,56	Trung bình
182	UBND xã Ea Riêng	55,18	Trung bình
183	UBND xã Yang Tao	52,88	Trung bình
184	UBND xã Ea Lai	52,15	Trung bình